

## KINH NGHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC CHĂM VÀ K'HO VỀ SỬ DỤNG CÂY THUỐC TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NÚI ÔNG, TỈNH BÌNH THUẬN

Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Văn Hợp, Kiều Mạnh Hưởng  
Phân hiệu – Trường Đại học Lâm nghiệp

Khu Bảo tồn thiên nhiên Núi Ông (KBT) với diện tích tự nhiên 25.327 ha, nằm chuyển tiếp từ phía nam dải Trường Sơn kéo dài đến đông nam Bộ đã góp phần tạo nên sự đa dạng sinh học cao với 1.070 loài thực vật và 247 loài động vật, nhiều loài động thực vật quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính Phủ, Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2006) cùng nhiều loài có giá trị dược liệu. Tuy nhiên, hiện nay nguồn tài nguyên cây thuốc tại KBT bị suy giảm mạnh, do khai thác trái phép để canh tác nương rẫy, lấn chiếm đất rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.... Đặc biệt, vấn đề khai thác, sử dụng các loài cây thuốc nơi đây chưa được quan tâm và chưa có công trình nghiên cứu nào về kinh nghiệm sử dụng cây thuốc các dân tộc sinh sống ở KBT, trong đó có dân tộc Chăm và K'Ho. Bên cạnh đó, những tri thức dân gian về cây thuốc cộng đồng dân tộc Chăm và K'Ho dùng để chữa trị bệnh đang bị mai một dần, những thế hệ trẻ ít người tiếp thu những kiến thức mang tính bản địa khiến cho những cây thuốc quý, bài thuốc hay bị quên lãng. Do đó nghiên cứu đã được thực hiện.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

*Đối tượng:* Đối tượng nghiên cứu bao gồm các loài cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Chăm và K'Ho.

*Thời gian:* Tháng 10, 11, 12 năm 2016 và tháng 1, 3, 4 năm 2017.

*Địa điểm:* Xã Đức Thuận, Đức Bình và Thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

*Phương pháp nghiên cứu:* Sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực vật dân tộc học của Gary J. Martin (2002).

### II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 1. Thành phần loài cây thuốc được dân tộc Chăm và K'Ho sử dụng chữa trị bệnh tại KVNC

Qua điều tra, giám định mẫu vật, đã ghi nhận 158 loài, 139 chi, 61 họ thuộc 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta) được dân tộc Chăm và K'Ho tại khu vực nghiên cứu (KVNC) sử dụng điều trị bệnh và bồi bổ sức khỏe. Kết quả được thể hiện ở bảng 1.

Dẫn liệu bảng 1 cho thấy, ngành Ngọc lan chiếm ưu thế với 149 loài (chiếm 94,30%), 133 chi (chiếm 95,68%) và 57 họ (chiếm 93,44%). Ngành Dương xỉ và Thông đều chiếm tỷ trọng dưới 5% ở các bậc taxon. Trong ngành Ngọc lan, lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) đều chiếm hơn 73% ở các bậc taxon so với lớp Hành (Liliopsida).

Có 8 họ từ 5 loài trở lên gồm Asteraceae (11 loài), Rubiaceae (9 loài), Euphorbiaceae (8 loài), Amaranthaceae, Fabaceae, Zingiberaceae (cùng có 6 loài), Caesalpiniaceae, Malvaceae (cùng có 5 loài) được dân tộc Chăm và K'Ho sử dụng làm thuốc. Đây cũng là các họ có số lượng loài lớn ở Việt Nam và có biên độ sinh thái rộng.

Bảng 1

## Phân bố cây thuốc ở các bậc taxon được dân tộc Chăm và K'Ho sử dụng

| TT          | Ngành/Lớp                       | Họ        |            | Chi        |            | Loài       |            |
|-------------|---------------------------------|-----------|------------|------------|------------|------------|------------|
|             |                                 | Số lượng  | %          | Số lượng   | %          | Số lượng   | %          |
| I           | Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) | 3         | 4,92       | 5          | 3,60       | 6          | 3,80       |
| II          | Ngành Thông (Pinophyta)         | 1         | 1,64       | 1          | 0,72       | 3          | 1,90       |
| III         | Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)  | 57        | 93,44      | 133        | 95,68      | 149        | 94,30      |
| 1           | Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)    | 45        | 73,77      | 111        | 79,86      | 124        | 78,48      |
| 2           | Lớp Hành (Liliopsida)           | 12        | 19,67      | 22         | 15,83      | 25         | 15,82      |
| <b>Tổng</b> |                                 | <b>61</b> | <b>100</b> | <b>139</b> | <b>100</b> | <b>158</b> | <b>100</b> |

## 2. Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của dân tộc Chăm và K'Ho tại KVNC

## 2.1. So sánh thành phần loài cây thuốc của dân tộc Chăm và K'Ho

Kết quả nghiên cứu mức độ sử dụng thành phần loài cây thuốc theo kinh nghiệm của dân tộc Chăm và K'Ho tại KVNC được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2

## So sánh thành phần loài cây thuốc được dân tộc Chăm và K'Ho sử dụng

| Dân tộc     | TT  | Ngành/Lớp                       | Họ        |            | Chi       |            | Loài       |            |
|-------------|-----|---------------------------------|-----------|------------|-----------|------------|------------|------------|
|             |     |                                 | Số lượng  | %          | Số lượng  | %          | Số lượng   | %          |
| Chăm        | I   | Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) | 2         | 3,70       | 3         | 3,06       | 4          | 3,45       |
|             | II  | Ngành Thông (Pinophyta)         | 1         | 1,85       | 1         | 1,02       | 3          | 2,59       |
|             | III | Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)  | 51        | 94,45      | 94        | 95,92      | 109        | 93,97      |
|             | 1   | Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)    | 41        | 75,93      | 81        | 82,65      | 95         | 81,9       |
|             | 2   | Lớp Hành (Liliopsida)           | 10        | 18,52      | 13        | 13,27      | 14         | 12,07      |
| <b>Tổng</b> |     |                                 | <b>54</b> | <b>100</b> | <b>98</b> | <b>100</b> | <b>116</b> | <b>100</b> |
| K'Ho        | I   | Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) | 2         | 5,41       | 3         | 4,48       | 3          | 4,23       |
|             | II  | Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)  | 35        | 94,59      | 64        | 95,52      | 68         | 95,77      |
|             | 1   | Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)    | 32        | 86,49      | 54        | 80,60      | 58         | 81,69      |
|             | 2   | Lớp Hành (Liliopsida)           | 3         | 8,10       | 10        | 14,92      | 10         | 14,08      |
| <b>Tổng</b> |     |                                 | <b>37</b> | <b>100</b> | <b>67</b> | <b>100</b> | <b>71</b>  | <b>100</b> |

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đồng bào dân tộc Chăm đã sử dụng 116 loài cây thuốc, 98 chi, 54 họ thuộc 3 ngành là Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan

(Magnoliophyta). Trong đó, ngành Ngọc lan chiếm ưu thế với 109 loài (chiếm 93,97%), 94 chi (chiếm 95,92%) và 51 họ (chiếm 94,45%). Ngành Dương xỉ và Thông đều chiếm tỷ trọng dưới 4% ở tất cả các bậc taxon. Trong ngành Ngọc lan lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) đều chiếm hơn 75% ở các bậc taxon so với lớp Hành (Liliopsida).

Dân tộc K’Ho sử dụng 71 loài cây thuốc, 67 chi, 37 họ thuộc 2 ngành Dương xỉ và Ngọc lan. Trong đó, ngành Ngọc lan cũng chiếm ưu thế với 68 loài, 64 chi và 35 họ (chiếm tỷ lệ tương ứng là 95,77%, 95,52%, 94,59%). Ngành Dương xỉ chiếm tỷ lệ khá thấp, dưới 6% ở tất cả các bậc phân loại. Trong ngành Ngọc lan, lớp Ngọc lan cũng chiếm ưu thế với tỷ lệ đều lớn hơn 80% ở các bậc phân loại.

Như vậy, thành phần loài cây thuốc ở các bậc taxon của cộng đồng Chăm đa dạng và phong phú hơn so với thành phần loài cây thuốc được người K’Ho sử dụng để chữa trị bệnh.

Trong tổng số 158 loài được dân tộc Chăm và K’Ho sử dụng thì 71 loài, thuộc 37 họ thực vật được cả 2 cộng đồng sử dụng chung để chữa bệnh; có 90 loài cây thuốc chỉ có ở dân tộc Chăm sử dụng; Có 20 họ thực vật được cả hai cộng đồng Chăm và K’Ho sử dụng chung nhưng khác nhau về thành phần loài cây thuốc bao gồm Polypodiaceae, Amaranthaceae, Piperaceae, Simarubaceae, Urticaceae, Araceae, Cyperaceae, Poaceae, Pandanaceae,...

## 2.2. So sánh mức độ sử dụng dạng sống của cây thuốc được người Chăm và K’Ho sử dụng

Nghiên cứu về dạng sống của cây thuốc có ý nghĩa quan trọng, nó không chỉ cho chúng ta biết được dạng sống nào thường được dân tộc Chăm và K’Ho sử dụng để chữa trị bệnh, mà còn giúp định hướng trong việc khai thác và sử dụng cũng như trong công tác quản lý, bảo tồn và phát triển nguồn tri thức bản địa có giá trị tại KVNC. Qua kết quả điều tra tại KVNC kết hợp với tài liệu “Tên cây rừng Việt Nam (2000)” chúng tôi đã tư liệu hóa các dạng sống khác nhau được cộng đồng Chăm và K’Ho sử dụng. Kết quả được tổng hợp ở bảng 3.

Bảng 3

Mức độ sử dụng dạng sống cây thuốc của dân tộc Chăm và K’Ho

| TT          | Dạng sống | Dân tộc Chăm |            | Dân tộc K’Ho |            |
|-------------|-----------|--------------|------------|--------------|------------|
|             |           | Số loài      | Tỷ lệ %    | Số loài      | Tỷ lệ %    |
| 1           | Thân thảo | 38           | 32,76      | 41           | 57,75      |
| 2           | Thân gỗ   | 28           | 24,14      | 18           | 25,35      |
| 3           | Cây bụi   | 24           | 20,69      | 7            | 9,86       |
| 4           | Dây leo   | 21           | 18,10      | 5            | 7,04       |
| 5           | Ký sinh   | 5            | 4,31       |              |            |
| <b>Tổng</b> |           | <b>116</b>   | <b>100</b> | <b>71</b>    | <b>100</b> |

Dẫn liệu bảng 3 cho thấy, dân tộc Chăm sử dụng 5 dạng sống, còn dân tộc K’Ho sử dụng 4 dạng sống. Trong đó dạng sống ký sinh chỉ có dân tộc Chăm sử dụng. Cả hai dân tộc đều sử dụng số lượng loài cây thuốc ở các dạng sống giảm dần theo quy luật từ dạng thân thảo, thân gỗ, cây bụi đến dạng dây leo; Dạng sống thân thảo được cả dân tộc Chăm và K’Ho sử dụng nhiều nhất (dân tộc Chăm là 32,76% và dân tộc K’Ho là 57,75%) so với các dạng sống còn lại, tuy nhiên số lượng và tỷ lệ phần trăm ở các dạng sống có sự sai khác. Số loài cả hai dân tộc cùng sử dụng chung dạng sống là 71 loài thuộc 37 họ.

## 2.3. Kinh nghiệm của dân tộc Chăm và K’Ho về sử dụng bộ phận của cây thuốc

Thành phần, hàm lượng và hoạt tính của các hợp chất có tác dụng chữa trị bệnh của cây thuốc thường phân bố không đều ở mỗi bộ phận của cây. Ở một góc độ khác việc sử dụng bộ

phần của cây thuốc ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng bảo tồn, phát triển của chúng. Khi sử dụng các bộ phận lá ít gây ảnh hưởng đến tài nguyên rừng cũng như công tác bảo tồn phát triển cây thuốc so với việc sử dụng các bộ phận vỏ, hoa, rễ, củ, cả cây vì chúng tiềm ẩn nguy cơ suy giảm đa dạng tài nguyên thực vật. Kết quả nghiên cứu về bộ phận cây thuốc của dân tộc Chăm và K'Ho được tổng hợp ở bảng 4.

Bảng 4

## So sánh mức độ sử dụng bộ phận cây thuốc của dân tộc Chăm và K'Ho

| STT | Bộ phận dùng cây thuốc                 | Số lượng loài |           |              |           |
|-----|--|---------------|-----------|--------------|-----------|
|     |  | Dân tộc Chăm  | Tỷ lệ (%) | Dân tộc K'Ho | Tỷ lệ (%) |
| 1   | Rễ, củ                                 | 49            | 33,33     | 21           | 28,38     |
| 2   | Thân                                   | 33            | 22,45     | 19           | 25,68     |
| 3   | Lá                                     | 29            | 19,73     | 17           | 22,97     |
| 4   | Cả cây                                 | 24            | 16,33     | 8            | 10,81     |
| 5   | Vỏ                                     | 6             | 4,08      | 2            | 2,70      |
| 6   | Bộ phận khác (lấy nhựa, hạt, hoa, quả) | 6             | 4,08      | 7            | 9,46      |

Bảng 4 cho thấy, rễ và củ là bộ phận được khai thác và sử dụng chủ yếu ở cả dân tộc Chăm (49 loài) và K'Ho (21 loài), trong đó 6 loài được cả hai dân tộc sử dụng chung bộ phận rễ, củ, còn lại 15 loài (trong tổng số 21 loài) sử dụng bộ phận rễ chỉ có ở dân tộc K'Ho và 43 loài (trong số 49 loài) sử dụng bộ phận rễ chỉ có ở dân tộc Chăm, 5 loài sử dụng bộ phận củ chỉ có ở dân tộc K'Ho. Có 5 loài được cả hai dân tộc sử dụng chung bộ phận thân, 2 loài được hai dân tộc sử dụng chung bộ phận lá; 27 loài được dân tộc Chăm sử dụng bộ phận thân và 27 loài được dân tộc Chăm sử dụng bộ phận lá; 14 loài được dân tộc K'Ho sử dụng bộ phận thân và 15 loài được dân tộc K'Ho sử dụng bộ phận lá để chữa, trị bệnh. *Mimosa pudica* L là loài được cả 2 dân tộc sử dụng chung bộ phận cả cây, *Eurycoma longifolia* Jack là loài được cả 2 dân tộc sử dụng chung bộ phận vỏ và *Cassia tora* L. là loài được cả 2 dân tộc sử dụng chung bộ phận hạt để chữa bệnh. Dân tộc Chăm sử dụng 23 loài dùng cả cây, 5 loài sử dụng vỏ và 5 loài sử dụng hạt để chữa trị bệnh. Dân tộc K'Ho sử dụng cả cây 7 loài, vỏ 1 loài, hạt 1 loài để chữa trị bệnh.

Theo ghi nhận sơ dĩ bộ phận rễ và củ được cả hai cộng đồng này sử dụng nhiều bởi vì, rễ là bộ phận chữa trị được nhiều bệnh khác nhau và đặc biệt hiệu quả đối với các bệnh phổ biến về xương khớp, cho phụ nữ sau sinh,... Tuy nhiên, việc sử dụng các bộ phận này với tỷ lệ cao sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến công tác bảo tồn loài nói riêng và hệ sinh thái rừng nói chung tại KVNC. Điều này là điểm khác biệt lớn với các cộng đồng dân tộc có ý thức cao trong gìn giữ tài nguyên (dân tộc Dao, Tày, Nùng,...). Do đó, cần có các nghiên cứu xây dựng vườn dược liệu, nhân giống loài bằng các biện pháp kỹ thuật như giâm hom, invitro,...; nghiên cứu các hợp chất có hoạt tính tương tự ở các bộ phận khác của cây,... hướng đến việc sử dụng và khai thác bền vững tài nguyên cây thuốc tại KVNC.

#### 2.4. Các nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc tại KVNC

Theo tài liệu về cây thuốc của Đỗ Tất Lợi (1999), Võ Văn Chi (2012) và kết quả điều tra hiện trường. Chúng tôi đã tư liệu hóa kinh nghiệm về sử dụng cây thuốc của dân tộc Chăm và K'Ho tại KVNC để chữa các nhóm bệnh, chi tiết ở bảng 5.

Dẫn liệu bảng 5 cho thấy, các nhóm bệnh được cả dân tộc Chăm và K'Ho sử dụng nhiều loài cây thuốc nhất là nhóm bệnh ở phụ nữ, bệnh ngoài da, bệnh về khớp và bệnh tiêu hóa. Trong đó dân tộc Chăm sử dụng 20 loài chữa bệnh ở phụ nữ, bệnh ngoài da 15 loài, bệnh về

khớp 13 loài và bệnh tiêu hóa 13 loài; dân tộc K'Ho sử dụng 9 loài chữa bệnh ở phụ nữ, 8 loài chữa bệnh ngoài da, 11 loài chữa bệnh về khớp, 14 loài chữa bệnh về tiêu hóa. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế bởi đây là các nhóm bệnh phổ biến thường gặp ở miền núi, nơi có nhiều khó khăn về y tế, điều kiện kinh tế, sinh hoạt còn nhiều thiếu thốn. Tuy nhiên, số nhóm bệnh thường được chữa trị của 2 dân tộc có sự khác nhau: dân tộc Chăm có 20 nhóm bệnh chữa trị bằng cây thuốc trong đó nhóm bệnh về phụ nữ có số lượng loài nhiều nhất với 20 loài, tiếp đến là nhóm bệnh ngoài da (15 loài), bệnh về khớp và tiêu hóa (cùng có 13 loài),...nhóm bệnh về giải độc thấp nhất (1 loài). Trong khi đó, dân tộc K'Ho chỉ có 11 nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc, nhóm bệnh về tiêu hóa có số lượng loài nhiều nhất (14 loài), tiếp đến là nhóm bệnh về khớp (11 loài), bệnh về phụ nữ (9 loài) và bệnh ngoài da (8 loài),...bệnh về thần kinh có số loài ít nhất (2 loài).

Bảng 5

**Các nhóm bệnh được dân tộc Chăm và K'Ho sử dụng cây thuốc chữa trị**

| STT | Nhóm bệnh   | Số loài      |              |
|-----|---|--------------|--------------|
|     |   | Dân tộc Chăm | Dân tộc K'Ho |
| 1   | Bệnh của phụ nữ ( <i>tắm sau sinh, vô sinh, hậu sản, điều kinh nguyệt,...</i> ) | 20           | 9            |
| 2   | Bệnh ngoài da ( <i>nước ăn chân, dị ứng nổi mụn, mụn nhọt...</i> )              | 15           | 8            |
| 3   | Bệnh về khớp ( <i>đau khớp, thấp khớp, viêm đa khớp,...</i> )                   | 13           | 11           |
| 4   | Bệnh về tiêu hóa ( <i>tiêu chảy, táo bón, kiết lỵ,...</i> )                     | 13           | 14           |
| 5   | Bệnh về thận ( <i>viêm cầu thận, sỏi thận, vàng da, đái buốt,...</i> )          | 12           |              |
| 6   | Bệnh về xương ( <i>đau xương, vôi cột sống, thoái hóa cột sống,...</i> )        | 11           |              |
| 7   | Bệnh về đường hô hấp ( <i>viêm họng, sung avidan, ho,...</i> )                  | 9            |              |
| 8   | Bệnh về thần kinh ( <i>đau dây thần kinh tọa, an thần, tê liệt,...</i> )        | 8            | 2            |
| 9   | Thuốc bổ ( <i>bổ thận, bổ máu, bổ gan, bổ sức khỏe,...</i> )                    | 8            | 3            |
| 10  | Bệnh về răng lợi ( <i>viêm lợi, nhiệt miệng, sâu răng,...</i> )                 | 8            |              |
| 11  | Bệnh đau về cơ, nhức mỏi cơ thể   | 8            |              |
| 12  | Bệnh do thời tiết ( <i>cảm cúm, nhức đầu, xổ mũi, ốm, sốt,...</i> )             | 7            | 5            |
| 13  | Bệnh về gan ( <i>viêm gan, xơ gan cổ chướng,...</i> )                           | 7            | 7            |
| 14  | Giải nhiệt  | 7            |              |
| 15  | Bệnh do động vật cắn ( <i>rắn rết cắn, chó cắn,...</i> )                        | 7            | 7            |
| 16  | Bệnh về dạ dày ( <i>đau dạ dày, đại tràng,...</i> )                             | 4            | 4            |
| 17  | Bệnh của trẻ em ( <i>ho hen, cảm cúm, nước ăn chân tay</i> )                    | 2            | 5            |
| 18  | Bệnh về u bướu ( <i>ung thư, u nang, hạch,...</i> )                             | 2            |              |
| 19  | Bệnh về mắt ( <i>đau mắt,...</i> )  | 2            |              |
| 20  | Giải độc ( <i>giải độc chài, do ngộ độc thức ăn, dị ứng thức ăn</i> )           | 1            |              |

**2.5. Các loài cây thuốc quý hiếm cần ưu tiên bảo tồn**

Kết quả bảng 6 cho thấy, có 6 loài cây thuốc tại khu vực nghiên cứu có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2006) và Nghị định 32/NĐ-CP/2006. Đặc biệt là loài Kỳ Nam do trước đây bị khai thác mạnh nên rất hiếm khi bắt gặp loài này. Trên cơ sở kết quả điều tra nghiên cứu các ngành chức năng cần quan tâm và có chính sách ưu tiên trong việc bảo tồn các loài cây thuốc quý hiếm.

Bảng 6

**Tình trạng bảo tồn một số loài cây thuốc nguy cấp, quý, hiếm tại KVNC**

| T | Tên khoa học   | Tên phổ thông         | SĐVN (2007) | DLĐVN (2006) | NĐ32 (2006) |
|---|--|-----------------------|-------------|--------------|-------------|
| 1 | <i>Drynaria bonii</i> H. Christ.                     | Tắc kè đá             | VU          | VU           |             |
| 2 | <i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze ex Mett.) J. Smith. | Cốt toái bổ           | EN          | EN           |             |
| 3 | <i>Hydnophytum formicarum</i> Jack                   | Kỳ nam                | EN          | EN           |             |
| 4 | <i>Coscinium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.       | Vàng đắng             |             |              | IIA         |
| 5 | <i>Aeginetia indica</i> L.                           | Lệ dương              | VU          | VU           |             |
| 6 | <i>Homalomena gigantea</i> Engl.                     | Thiên niên kiện lá to | VU          | EN           |             |

**Chú thích:** SĐVN – Sách Đỏ Việt Nam; DLĐVN – Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam; EN (Endangered) - Nguy cấp; VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp; NĐ32 - Nghị định 32/2006/NĐ-CP; IIA - Thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

**III. KẾT LUẬN**

Đã ghi nhận 158 loài cây thuốc được dân tộc Chăm và K’Ho sử dụng, thuộc 139 chi, 61 họ và 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, Ngành Ngọc lan chiếm ưu thế với tỷ lệ > 93% so với các ngành còn lại ở các bậc taxon. 8 họ có số loài nhiều nhất (≥ 5 loài) là Asteraceae, Rubiaceae, Euphorbiaceae, Amaranthaceae, Fabaceae, Zingiberaceae, Caesalpiniaceae và Malvaceae.

Dân tộc Chăm đã sử dụng 116 loài cây thuốc, 105 chi, 55 họ thuộc 3 ngành (Polypodiophyta, Pinophyta, Magnoliophyta), dân tộc K’Ho sử dụng 71 loài cây thuốc, 67 chi, 37 họ thuộc 2 ngành (Polypodiophyta và Magnoliophyta) để chữa trị bệnh.

Về dạng thân, cả hai dân tộc đều dùng nhóm cây thân thảo với tỷ lệ cao nhất (lần lượt là dân tộc Chăm 32,76%, dân tộc K’Ho 57,75%); Về bộ phận sử dụng, cả hai dân tộc đều dùng rễ và củ với tỷ lệ cao nhất (lần lượt là dân tộc Chăm 33,33%, dân tộc K’Ho 28,39%).

Dân tộc Chăm sử dụng cây thuốc để chữa trị 20 nhóm bệnh khác nhau, bệnh về phụ nữ có số loài nhiều nhất (20 loài), tiếp đến là bệnh ngoài da (15 loài), bệnh về khớp và tiêu hóa (có cùng 13 loài). Dân tộc K’Ho có 11 nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc, bệnh về tiêu hóa có nhiều nhất (14 loài), tiếp đến là bệnh về khớp (11 loài), bệnh về phụ nữ (9 loài) và bệnh ngoài da (8 loài).

Có 6 loài cây thuốc ghi nhận cần ưu tiên bảo tồn có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2006) và Nghị định 32/NĐ-CP/2006 .

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003, 2005. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập 2. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003, 2005. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập 3. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. **Brummitt R. K.**, 1992. *Vascular Plant families and genera*, Royal Botanic Gardens, Kew.
4. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam (Phần II-Thực vật)*. Nxb. KHTN & CN, Hà Nội.
5. **Võ Văn Chi**, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. NXB. Y học, Hà Nội, tập I, II.
6. **Chính phủ Việt Nam**, 2006. *Nghị định 32/2006/NĐ-CP, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*, Hà Nội.
7. **Lưu Đàm Cư**, 2005. *Thực vật dân tộc học* (Bài giảng Chuyên đề cao học – Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật).
8. **Đỗ Tất Lợi**, 1999. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. KHKT, Hà Nội.
9. **Trần Đình Lý (chủ biên)**, 1993. *1900 loài cây có ích ở Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
10. **Gary J. Martin**, 2002. *Thực vật dân tộc học*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
11. **Nguyễn Tập**, 2007. *Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam*, Công ty Cổ phần Thiết kế chế bản và In công nghệ cao, Hà Nội.
12. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 1997. *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

### THE EXPERIENCES OF THE COMMUNITIES OF ETHNIC MINORITIES OF CHAM AND K'HO ON USING MEDICINAL PLANTS IN NUI ONG NATURE RESERVE, BINH THUAN PROVINCE

**Nguyen Thi Luong, Nguyen Van Hop, Kieu Manh Huong**

#### SUMMARY

This paper reported experiences of ethnic minorities of Cham and K'Ho communes on using medicinal plants in Nui Ong nature reserve, Binh Thuan province. Research results showed that the medicinal plants in this area consisted of 158 species, 139 genera, 61 families belonging to 3 vascular divisions Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta. There are 5 different life-forms of plants used as medicines by Cham and K'Ho minorities, of which, herbaceous form was used most as compared to the rest life-forms. Root and tuber were the most popular used parts of both Cham and K'Ho. Cham and K'Ho used the highest number of medicinal plants to treat the gynaecological diseases, followed by skin diseases, arthritis and diseases of the digestive system. Six species were listed in Vietnam Red Data Book (2007), Red list of medicinal plants of Vietnam and Government Degree No 32/2006/ ND-CP of the Socialist Republic of Vietnam.